

Bản án số: 187/2018/DS-PT
Ngày: 03- 5-2018
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự đình sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trịnh Thị H1, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng P, xã Tân Hòa T, huyện Tân P, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Trần Thị H2, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng P, xã Tân Hòa T, huyện Tân Ph, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Nguyên đơn chị Trịnh Thị H1 trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 6 (âm lịch) đến ngày 18 tháng 6 (âm lịch) năm 2015, chị có cho bà Trần Thị H2 vay số tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 118.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận,

không thỏa thuận thời hạn trả chỉ nói khi nào cần lấy lại tiền chị sẽ báo cho bà H2 biết trước. Sau khi vay bà H2 chỉ đóng lãi đến tháng 7 năm 2017 (âm lịch) thì ngưng đóng lãi đến nay. Ngày 18/6/2015 bà H2 trả cho chị số tiền vay gốc 50.000.000 đồng còn nợ 68.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Ngoài ra, ngày 25 tháng 11 năm 2015 (âm lịch) chị có cho bà H2 vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả chỉ nói khi nào cần lấy lại tiền chị sẽ báo cho bà H2 biết trước. Sau khi vay bà H2 chỉ đóng lãi đến tháng 7 năm 2017 (âm lịch) thì ngưng đóng lãi đến nay và cũng không trả khoảng tiền vay gốc.

Tổng cộng bà H2 còn nợ chị số tiền vay gốc 73.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà H2 trả số tiền nợ nhưng bà H2 cứ hẹn và kéo dài đến nay chưa trả. Nay chị yêu cầu bà Trần Thị H2 trả cho chị số tiền vay 73.000.000 đồng, yêu cầu trả trong thời hạn hai tháng. Chị không yêu cầu bà H2 trả tiền lãi.

Bị đơn bà Trần Thị H2 trình bày: Bà thừa nhận toàn bộ quá trình vay tiền như chị Trịnh Thị H1 trình bày là đúng, riêng về tài lãi bà đã đóng cho chị H1 bằng hình thức đóng hội sống các dây hội do chị H1 tham gia. Bà thừa nhận còn nợ chị H1 73.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho chị H1 số tiền 73.000.000 đồng nhưng xin trả dần 3 lần trong năm 2018.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử

Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị H1.

- Buộc bà Trần Thị H2 trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền vay 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị Trịnh Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị H2 chậm thi hành việc trả tiền thì bà H2 còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17/01/2018, bị đơn bà Trần Thị H2 có đơn kháng cáo với nội dung đồng ý trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền 73.000.000 đồng. Nhưng xin trả dần, chia làm 3 lần trong năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Bị đơn là bà Trần Thị H2 thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn là chị Trịnh Thị H1 và chị H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 trả 73.000.000 đồng tiền vốn là có cơ sở. Bà H2 kháng cáo, nhưng không cung cấp chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H2, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H2 là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo nhưng bà H2 có đơn xin vắng mặt, nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung: Chị H1 và bà H2 cùng trình bày thống nhất, trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 6 (âm lịch) đến ngày 18 tháng 6 (âm lịch) năm 2015, chị H1 có cho bà Trần Thị H2 vay số tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 118.000.000 đồng. Sau đó bà H2 trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 68.000.000 đồng. Đến ngày 26/11/2015 âm lịch bà H2 vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay là 73.000.000 đồng. Bà H2 cũng thừa nhận còn nợ chị H1 số tiền vốn vay là 73.000.000 đồng. Nay chị H1 yêu cầu bà H2 trả ngay số tiền nợ vay, Bà H2 thì xin trả dần làm 03 lần trong năm 2018 nhưng chị H1 không đồng ý. Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa chị H1 và bà H2 thật sự phát sinh, hai bên đã trình bày thống nhất về số tiền vay còn thiếu là 73.000.000 đồng, chỉ tranh chấp với nhau về thời gian trả nợ. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc bà H2 trả ngay cho chị H1 số tiền vốn vay 73.000.000 đồng là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Bởi lẽ, số tiền bà H1 khởi kiện là số tiền vốn vay, đã được bà H2 thừa nhận nợ. Việc bà H2 xin trả dần không được chị H1 đồng ý. Trong quá trình kháng cáo thì bà H2 cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Cho nên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà H2 phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 ,khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H1.

- Buộc bà Trần Thị H2 trả cho chị Trịnh Thị H1 số tiền vay 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng). Thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày chị Trịnh Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị H2 chậm thi hành việc trả tiền thì bà Hòa còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

- Bà Trần Thị H2 phải chịu 3.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà H2 đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm biên lai thu số 19107 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang được khấu trừ nên xem như bà H2 đã thực hiện xong tiền án phí phúc thẩm. Bà H2 phải nộp tiếp 3.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Trịnh Thị H2 số tiền tạm ứng án phí 1.825.000 đồng theo biên lai thu số 18943 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt